

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi thôn Lâm, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi thôn Lâm, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã họp ngày 05/10/2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Báo cáo kết quả thẩm định tại Tờ trình số 248/TTr-HĐTĐ-ĐTM ngày 31 tháng 7 năm 2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi thôn Lầm, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thụy Hưng hợp ngày 05/10/2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường đã được chỉnh sửa bổ sung, gửi kèm văn bản số 15/CV-TH ngày 23/6/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thụy Hưng;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi thôn LẦM, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (sau đây được gọi là Dự án) của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thụy Hưng với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật (*phối hợp với Ủy ban nhân xã Tân Thanh tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã*).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy, nổ, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương các cơ quan chức năng để được chỉ đạo và phối hợp xử lý, chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương; Chủ tịch UBND xã Tân Thanh; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thụy Hưng; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thụy Hưng; (Chủ dự án)
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Thành viên HĐ TĐ Báo cáo ĐGTĐMT dự án;
- Chuyên viên: KS, CN;
- Lưu VT, (Đ 30).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI THÔN LÂM, XÃ TÂN THANH,
HUYỆN SON DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi thôn Lâm, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm thực hiện: Mỏ đá vôi thôn Lâm, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Chủ đầu tư dự án: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thụy Hưng.

- Địa chỉ: Số nhà 76, đường Nguyễn Văn Linh, tổ 10, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Hòa, Chức vụ: Giám đốc.

- Quốc tịch: Việt Nam.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án:

- Diện tích khu vực khai thác: 1,9 ha.

- Diện tích khu vực chế biến, phụ trợ: 2,0 ha.

- Trữ lượng đá vôi đưa vào khai thác: 992.389 m³ (khai thác đến cos +90 m, thời gian khai thác 12 năm).

- Công suất khai thác: 85.000 m³/năm.

- Công suất chế biến: Dây chuyền công nghệ nghiền sàng đá công suất 120 m³ đá sản phẩm/giờ.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Nhà điều hành và nhà ở công nhân: Diện tích xây dựng 150 m². Xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp IV, kết cấu tường 110 bở trụ, mái lợp tôn chống nóng, bó vỉa láng nền.

- Nhà bếp ăn: Diện tích xây dựng 60 m². Xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp IV, kết cấu tường 110 bở trụ, mái lợp tôn chống nóng, bó vỉa láng nền.

- Xưởng sửa chữa, kho vật tư: Diện tích xây dựng 45 m². Xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp IV, kết cấu tường 110 bở trụ, mái lợp tôn chống nóng, bó vỉa láng nền.

- Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp: Diện tích 30 m², được xây dựng cửa hai lớp, có tường chắn, hàng rào bảo vệ... theo đúng quy phạm an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

- Trạm nghiền sàng đá: Trạm nghiền sàng được đặt cố định trên các bệ máy bằng bê tông cốt thép. Các thiết bị được bố trí theo sơ đồ công nghệ không có mái che.

- Bãi chứa đá nguyên khai: Diện tích 2.000 m².
- Bãi chứa đá thành phẩm: Diện tích 6.000 m².
- Trạm khí nén: Diện tích xây dựng 50 m².
- Trạm cân 80 tấn, xây dựng lắp đặt tại vị trí công vào.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án.

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi Thôn Lâm, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang có quy mô khai thác 85.000 m³/năm. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, các tác động môi trường chính của dự án gồm:

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ

- Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động đào đắp, mở vỉa, vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công, xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ, lắp đặt hệ thống nghiền sàng, chế biến đá.

- Tác động do nước thải sinh hoạt của công nhân viên, người lao động.
- Tác động do nước mưa chảy tràn.

- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, đất đá thải từ quá trình thi công đường nội bộ, mở vỉa.

- Tác động do chất thải nguy hại (bóng đèn huỳnh quang,...).

b) Giai đoạn hoạt động khai thác

- Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động khoan; nổ mìn; nghiền; sàng; bốc xúc; vận chuyển đất đá thải, nguyên liệu, sản phẩm.

- Tác động do nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, người lao động.
- Tác động do nước mưa chảy tràn.

- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, đất đá thải từ quá trình khai thác.

- Tác động do chất thải nguy hại (dầu mỡ, pin, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu...).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn XDCB mỏ

- *Nước thải sinh hoạt*: Khoảng 0,8 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh, nếu không được thu gom, xử lý và xả trực tiếp vào môi trường và nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực tiếp nhận.

- *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn, bùn đất gây ô nhiễm môi trường thủy vực nơi tiếp nhận nếu không có giải pháp thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn trong quá trình triển khai dự án.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác

- *Nước thải sinh hoạt*: Phát thải khoảng 4,0 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh, nếu không được thu gom, xử lý và xả trực tiếp vào môi trường và nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực tiếp nhận.

- *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn, bùn đất gây ô nhiễm môi trường thủy vực nơi tiếp nhận nếu không có giải pháp thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn trong quá trình triển khai dự án.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn XD/CB mở

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền, thi công đường vận chuyển, mở vỉa; vận chuyển đất đá thải, nguyên vật liệu thi công xây dựng; máy móc hoạt động trên công trường. Mức độ tác động không lớn, chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân trên công trường.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn phá đá thuộc dải hạt mịn (0,05 – 0,1mm) cùng với khói thuốc nổ lan tỏa theo chiều gió.

- Bụi phát sinh từ hoạt động chế biến, nghiền sàng đá vôi là khá lớn với mức độ tương đối cao, phạm vi tác động tại khu vực làm việc và khu vực xung quanh phụ thuộc vào hướng gió.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Giai đoạn XD/CB mở

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát thải khoảng 3,0 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát thải khoảng 10,4 kg/ngày.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát thải khoảng 8,0 – 12 kg/ngày.

- Đất đá thải: Khối lượng phát thải khoảng 100m³/năm được lưu chứa tại bãi thải tạm bố trí tại vị trí gần khu vực khai trường, một phần được sử dụng sản xuất đá base và sub base.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn XD/CB mở

Công tác bảo dưỡng, thay thế và sửa chữa máy móc, thiết bị được thực hiện tại các trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa (Dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc thi công, các loại thùng đựng dầu nhớt, vỏ chai đựng dầu mỡ

và giẻ lau dầu mỡ) nên việc phát sinh chất thải nguy hại tại khu vực công trường là không đáng kể, chủ yếu là bóng đèn điện hỏng, khối lượng phát thải trong cả giai đoạn thi công khoảng 3,0 kg.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác

Chất thải nguy hại phát sinh gồm: Dầu nhớt thải khoảng 200 lít/năm; giẻ lau dầu mỡ khoảng 39 kg/năm; bao bì đựng vật liệu nổ công nghiệp và vật liệu nổ công nghiệp kém chất lượng không thể sử dụng, VLNCN hết hạn sử dụng khối lượng khoảng 25 – 40 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

3.1. Công trình thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn XD/CB mở

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: Tạo rãnh thoát nước mặt tạm thời theo độ cao địa hình khu vực.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Đầu tư lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động với bể lắng tạm thời dung tích 02 m³.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

+ Khu vực khai thác: Toàn bộ lượng nước của mỏ khi tiến hành khai thác trên cost +90, tạo rãnh thoát nước theo phương pháp tự chảy đưa về hệ thống rãnh thoát nước ở khu vực phụ trợ.

+ Khu vực phụ trợ: Xây dựng hệ thống rãnh dọc theo các trục đường nội bộ chạy qua các vị trí cần thiết tại ở khu phụ trợ của dự án. Xây dựng các hố ga để thu lắng cặn (rãnh có chiều dài khoảng 250 m với kích thước rãnh: 0,4m x 0,5m).

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn với tổng dung tích các bể xử lý 40 m³.

3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

a) Giai đoạn XD/CB mở

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (khẩu trang, kính, mũ,...) cho công nhân làm việc tại công trường, vận hành máy móc thi công.

- Các phương tiện tham gia thi công phải đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo quy định đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Sử dụng xe phun nước giảm bụi tại tuyến đường vận chuyển tần suất tưới nước 2 lần/ngày.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động khoan, nổ mìn

+ Tuân thủ đúng quy trình, thiết kế nổ mìn theo đúng quy chuẩn QCVN 01: 2019/BCT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử

nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ).

+ Sử dụng thiết bị khoan thủy lực loại hiện đại.

- *Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực nghiền, sàng*

+ Phía Nam khu vực trạm nghiền sàng, khu vực tiếp giáp với Nhà điều hành được trồng cây xanh ngăn bụi phát tán, giảm ô nhiễm môi trường.

+ Lắp đặt hệ thống dàn phun nước dập bụi tại dây chuyền nghiền sàng đá để dập bụi, hạn chế phát tán bụi ra xung quanh.

- *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình bốc xúc, vận chuyển*

+ Sử dụng xe phun nước giảm bụi tần suất tưới nước 2 lần/ngày, những ngày nắng nóng, khô hanh thực hiện tưới nước với tần suất 4 lần/ngày.

+ Trồng cây xanh tại các khu vực phụ trợ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

a) Giai đoạn XD/CB mở

- *Đối với chất thải sinh hoạt*: Được phân loại, thu gom tại 02 thùng chứa dung tích 200 lít đặt tại các khu vực phát sinh chất thải. Trước mắt khi khu vực chưa có đơn vị thu gom, chủ đầu tư dự án bố trí công nhân định kỳ thực hiện vận chuyển rác thải đến địa điểm xử lý (bãi rác thải thôn Phai Cày, xã Phúc Ứng).

- *Đối với chất thải rắn xây dựng*: Các loại phế liệu có thể tái sử dụng như bao bì xi măng, các mẫu sắt thép dư thừa... được thu gom bán cho đơn vị thu mua. Đất đá thải được sử dụng san lấp trong khuôn viên dự án.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác

- *Đối với chất thải sinh hoạt*: Được phân loại, thu gom bằng các thùng chứa dung tích 200 lít đặt tại các khu vực phát sinh chất thải. Trước mắt khi khu vực chưa có đơn vị thu gom, chủ đầu tư dự án bố trí công nhân hằng ngày thực hiện vận chuyển rác thải đến địa điểm xử lý (bãi rác thải thôn Phai Cày, xã Phúc Ứng).

- *Đối với đất đá thải*: Được sử dụng sản xuất đá Base, đá Sub Base, một phần sử dụng để duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển trong mỏ và cải tạo mặt bằng trong quá trình khai thác, phần còn lại được lưu chứa tại bãi thải tạm giáp khu vực tiếp nhận đá.

3.4. Công trình thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại (CTNH)

a) *Giai đoạn XD/CB mở*: Thu gom, lưu chứa tại thùng có nắp đậy loại 200 lít đặt tại khu vực công trường có dán nhãn để chứa chất thải nguy hại phát sinh (đặt ở nơi có mái che). Sau khi hoàn thành XD/CB mở, đưa về kho chất thải nguy hại để lưu chứa.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác

- Chất thải nguy hại tại khu vực bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị được thu gom bằng các thùng chứa dung tích 100 lít.

- Xây dựng 01 kho chứa CTNH diện tích 10m² để lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại trước khi được vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo đúng qui định.

- Thuê đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo quy định về quản lý CTNH.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn XD/CB mở

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, không thi công vào buổi trưa và buổi tối.

- Công nhân thi công trên công trường sẽ được trang bị bảo hộ lao động hạn chế hoặc chống ồn như mũ bảo hiểm, chụp tai...

b) Giai đoạn hoạt động khai thác

- Thực hiện khoan, nổ mìn theo đúng hộ chiếu khoan nổ mìn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Không nghiền, sàng đá vào buổi trưa và buổi tối.

- Lắp đặt thiết bị đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định hiện hành của Nhà nước; tăng chiều sâu móng, lắp đặt các đệm cao su giữa các mối nối để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân và các biện pháp đảm bảo an toàn lao động.

3.6. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- *Khu vực khai trường khai thác*: Trong quá trình khai thác và ngay sau khi kết thúc khai thác thực hiện công tác cải tạo sườn tầng, gia cố bờ moong bằng cách cạy bỏ đá treo và san gạt mặt tầng đảm bảo an toàn tránh sạt lở.

- *Khu vực mặt bằng công nghiệp và công trình phụ trợ*: Tháo dỡ các hạng mục công trình phụ trợ sau khi kết thúc khai thác; san gạt tạo mặt bằng, bổ sung đất màu rồi trồng cây lát hoa với mật độ trồng 1.660 cây/ha và tu sửa rãnh thoát nước, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

b) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: **886.015.000 đồng**, trong đó:

- Số lần ký quỹ: 12 lần.

+ Lần 1, số tiền: 177.203.000 đồng.

+ Lần 2, 3, ..., 12 số tiền: 64.437.455 đồng/lần.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

- Xây dựng nội quy an toàn lao động và đăng ký với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội theo quy định.
- Xây dựng và niêm yết đầy đủ nội quy, quy trình vận hành an toàn tại nơi làm việc đối với các loại máy móc, thiết bị có nguy cơ gây mất an toàn lao động.
- Tuyên truyền giáo dục ý thức của công nhân và được tập huấn về an toàn lao động theo quy định.
- Khai thác theo đúng Thiết kế cơ sở đã được Sở Xây dựng thẩm định
- Trang bị đầy đủ dụng cụ, trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.
- Thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần cho công nhân lao động.

b) Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố kho VLNCN

- Thực hiện nghiêm túc quy trình quy phạm quản lý sử dụng chất nổ, thực hiện khoan bắn nổ mìn đúng quy phạm.
- Người lao động phải thực hiện huấn luyện và cấp chứng chỉ về sử dụng chất nổ công nghiệp mới được làm việc tại mỏ.
- Chấp hành phương án nổ mìn, hộ chiếu khoan nổ mìn theo quy định đảm bảo tuyệt đối an toàn.

c) Biện pháp phòng chống cháy nổ

- Quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo đúng quy định.
- Trang bị đầy đủ hệ thống, thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy và hệ thống an toàn điện theo quy định.
- Xây dựng và niêm yết đầy đủ quy định về an toàn cháy nổ, an toàn sử dụng điện.

d) Biện pháp chống sạt lở đá

- Khai thác đúng Thiết kế cơ sở đã được Sở Xây dựng thẩm định, như: Đúng vị trí mở vỉa, cự ly biên giới, chiều cao tầng, góc dốc của từng tầng khai thác, sử dụng đúng phương tiện, thiết bị khai thác, chế biến đá vôi..
- Đường vận tải nội bộ đảm bảo các thông số kỹ thuật, không bị lún và sa lầy vào mùa mưa, có rãnh thoát nước dọc song song tuyến đường, độ dốc không quá 9-10%.
- Xây dựng hệ thống thoát nước mỏ đảm bảo thoát nước kịp thời, hạn chế sạt lở, xói mòn do mưa.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án.

4.1. Giai đoạn XD/CB mỏ

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát 06 vị trí: KK1, KK2, KK3, KK4, KK5, KK6 (chi tiết tại sơ đồ các điểm quan trắc, giám sát môi trường kèm theo).

- Thông số quan trắc: Vi khí hậu, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT và QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

b) Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại suối Lầm, xã Tân Thanh gần khu vực mỏ.

- Thông số phân tích: pH, TSS, DO, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng dầu mỡ, Coliform.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

c) Giám sát chất thải rắn

- Giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh tại các khu vực xây dựng phụ trợ của dự án theo từng chủng loại.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

4.2. Giai đoạn hoạt động khai thác

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát 06 vị trí: KK1, KK2, KK3, KK4, KK5, KK6 (chi tiết tại sơ đồ các điểm quan trắc, giám sát môi trường kèm theo).

- Thông số quan trắc: Vi khí hậu, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT và QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

b) Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại suối Lầm, xã Tân Thanh gần khu vực mỏ.

- Thông số phân tích: pH, TSS, DO, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng dầu mỡ, Coliform.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

c) Giám sát chất thải rắn

- Giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh tại các khu vực xây dựng phụ trợ của dự án theo từng chủng loại.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

d) Giám sát các vấn đề về môi trường

- Thường xuyên theo dõi, giám sát các vấn đề về môi trường có thể xảy ra như sự cố cháy, nổ, thiên tai Thông báo kịp thời khi xảy ra các sự cố môi trường đến cơ quan chức năng và địa phương để phối hợp xử lý.

- Tần suất: 01 lần/6 tháng.

5. Các điều kiện kèm theo.

5.1. Tuân thủ đúng các quy định hiện hành về Quy phạm kỹ thuật khai thác, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên và các giải pháp xử lý chất thải rắn, tiếng ồn, rung chấn, bụi, nước thải, khí thải trong quá trình khai thác, chế biến phải đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định hiện hành về Quy chuẩn môi trường Việt Nam.

5.2. Quá trình triển khai dự án, chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc kế hoạch bóc lớp đất phủ bề mặt, xử lý thảm thực bì phù hợp với tiến độ triển khai dự án, nhu cầu diện tích sử dụng đất thực tế của hoạt động khai thác với phương châm khai thác đến đâu xử lý đến đó đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.

5.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.4. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý và giám sát môi trường; tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.5. Thực hiện ký quỹ trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được cấp giấy phép khai thác và ký quỹ hàng năm theo đúng quy định (ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang). Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản mà thời hạn của giấy phép khác với thời gian đã tính trong Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt thì đơn vị phải tính toán lại khoản tiền ký quỹ hàng năm phù hợp với thời hạn của giấy phép khai thác khoáng sản và gửi báo cáo về cơ quan có thẩm quyền để xem xét, điều chỉnh.

5.6. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khi dự án đi vào vận hành hoạt động.

5.7. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.
